

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

GS.VS.TSKH. PHẠM MINH HẠC (2015), **Tìm hiểu các giá trị dân tộc Việt Nam với tâm lý học và giáo dục học**, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 372 tr.

Trong những năm gần đây, *hệ giá trị* được coi là một bộ phận của “sức mạnh mềm”, “quyền lực mềm” trong quá trình phát triển chung của đất nước. Giá trị học vì vậy đang đi vào đời sống và hiện hữu trong xã hội Việt Nam ngày càng sâu sắc và thiết thực. Muốn xây dựng một xã hội tốt đẹp, bảo đảm an sinh xã hội, cần nghiên cứu, giảng dạy, phổ biến một *giá trị quan* đúng đắn, thức thời, động viên sức người, thúc đẩy tiến bộ xã hội, nâng cao sức mạnh và vị thế của quốc gia, dân tộc. Cuốn sách là tài liệu bổ ích, góp phần nghiên cứu tâm lý học dân tộc nói chung, tâm lý học giá trị và giáo dục học giá trị nói riêng, giúp mỗi người Việt Nam có thể biến hệ giá trị dân tộc thành giá trị cá nhân góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.

Với 7 chương đề cập đến các khái niệm về giá trị, lịch sử giá trị quan, giá trị loài người, giá trị dân tộc Việt Nam, giá trị xã hội trong xã hội nông nghiệp, các giá trị trong văn minh công nghiệp, giá trị bản thân, nội dung sách làm rõ một số vấn đề lý luận, lịch sử khoa học có giá trị, liên hệ cơ sở thực tiễn qua một số công trình điều tra, bước đầu tìm hiểu các giá trị nhân loại, các giá trị dân tộc Việt Nam trong lịch sử dựng nước và giữ nước, cũng như yêu cầu của thời đại công nghiệp, hiện đại, hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện thêm định hướng hệ giá trị của người Việt Nam theo yêu cầu của một xã hội công nghiệp hiện đại; chú trọng đến việc hình

thành, phát triển, phát huy giá trị bản thân ở các bạn trẻ, qua đó mong được đóng góp vào môn đạo đức học, văn hóa học, góp phần chỉnh đốn, xây dựng, phát huy giá trị đạo đức xã hội.

HB.

TS. TRẦN NGỌC NGOẠN (2016), **Chính sách thúc đẩy tăng trưởng xanh: Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam**, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 235 tr.

Thực trạng kinh tế thế giới và tình hình biến đổi khí hậu trong những năm qua đã đặt ra vấn đề phải nhận thức lại về tư duy phát triển. Bên cạnh việc phải thu hẹp khoảng cách giữa nền kinh tế thực và nền kinh tế ảo mà hệ thống tài chính ngân hàng trên thế giới tạo ra, việc phát triển nền kinh tế xanh đang là xu hướng nổi trội. Ở Việt Nam, năm 2012 đã đưa ra Chiến lược tăng trưởng xanh và tiếp theo là Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh. Các chính sách về thúc đẩy tăng trưởng xanh của Việt Nam mặc dù đã phát đi nhiều tín hiệu tích cực, nhưng mới chỉ là những điểm khởi đầu, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển lâu dài theo hướng xây dựng nền kinh tế xanh.

Nội dung sách được trình bày trong 3 chương. Chương 1 trình bày một số vấn đề lý luận, đồng thời khái quát kinh nghiệm quốc tế (EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc) về xây dựng chính sách tăng trưởng xanh và gợi ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Chương 2 làm rõ các chính sách liên quan đến tăng trưởng xanh ở Việt Nam và việc thực hiện; đồng thời phân tích thực trạng một số ngành kinh tế xanh ở Việt Nam. Chương 3 dự đoán bối cảnh thế giới và Việt Nam trong 20 năm tới, từ đó

đưa ra một số kiến nghị và đề xuất chính sách thực thi chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia, kiến nghị chính sách đẩy mạnh một số ngành nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2015-2020.

PHẠM NGUYỄN

PHÙNG GIA THỂ (2016), **Những dấu hiệu của chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn xuôi Việt Nam đương đại (Giai đoạn 1986-2012)**, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 332 tr.

Từ nửa sau thế kỷ XX, nền văn học thế giới chuyển sang giai đoạn hậu hiện đại với những thành tựu nghệ thuật mới mẻ, độc đáo. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, những ảnh hưởng của văn hóa, văn học hậu hiện đại thế giới đối với văn học đương đại Việt Nam nói chung, văn xuôi nói riêng là một thực tế không thể phủ nhận. Nội dung sách góp phần vào việc tiếp cận và nhận diện giai đoạn văn học mà chúng ta đang trải qua từ cuối thế kỷ XX sang đầu thế kỷ XXI - một giai đoạn vốn dĩ có sự bứt phá rất mạnh, phức hợp, với nguồn tư liệu đa dạng, phong phú. Sách gồm 3 chương.

Chương 1 trình bày khái niệm hậu hiện đại và những điều khả dĩ có thể vận dụng để nghiên cứu văn học Việt Nam; chứng minh sự xuất hiện những dấu hiệu hậu hiện đại trong đời sống văn hóa Việt Nam đương đại như một hệ quả có cội rễ từ những yếu tố nội sinh và từ giao lưu văn hóa trong bối cảnh toàn cầu.

Chương 2 phân tích thực tiễn văn xuôi Việt Nam sau năm 1986 để mô tả tính đặc thù của một mô hình thế giới nghệ thuật - mô hình thế giới giải thiêng và những quy tắc vận hành của riêng nó.

Chương 3 nêu bật những dấu hiệu của xu hướng các-na-van hóa - phương thức

vận hành đặc trưng của mô hình thế giới giải thiêng.

TV.

TS. CAO XUÂN LONG (2016), **Tư tưởng triết học của Đặng Huy Trứ**, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 179 tr.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, lịch sử Việt Nam có những biến động to lớn. Vấn đề bức xúc nhất lúc này là tìm ra con đường, cách thức để đưa dân tộc thoát khỏi sự đe dọa của các thế lực ngoại xâm. Các nhà yêu nước Việt Nam đã trăn trở, tìm tòi nhiều con đường khác nhau. Về mặt tư tưởng, những con đường cứu nước theo khuynh hướng dân tộc, mà tư tưởng Đặng Huy Trứ là một đại diện tiêu biểu, mặc dù chưa đủ để trở thành ngọn cờ khởi nghĩa nhưng đã gợi mở nhiều vấn đề mới, mang nhiều ý nghĩa hiện thực.

Đặng Huy Trứ là ngọn cờ đầu trong phong trào Duy Tân giải phóng dân tộc, là “một trong những người trồng cái mầm khai hóa đầu tiên ở Việt Nam”. Nội dung tư tưởng triết học của ông khá phong phú, đặc sắc và tương đối có hệ thống trên nhiều khía cạnh: từ kinh tế, quân sự, giáo dục con người, đến những vấn đề bản thể, tín ngưỡng, tôn giáo... Tư tưởng triết học Đặng Huy Trứ không chỉ phản ánh điều kiện lịch-sử xã hội Việt Nam đương thời mà còn bắt nguồn từ truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam và sự tiếp thu các tư tưởng, thành tựu canh tân của các nước trên thế giới để vận dụng vào điều kiện lịch sử-xã hội Việt Nam lúc bấy giờ. Mặc dù trong một thời gian dài, vì nhiều nguyên nhân, tư tưởng của Đặng Huy Trứ gần như bị lãng quên, nhưng không vì thế mà các giá trị của nó bị mất đi.

Đó là những nội dung chính được làm rõ trong cuốn sách với 2 chương chính: Chương 1 - *Những điều kiện, tiền đề và quá trình hình thành, phát triển tư tưởng*

triết học của Đặng Huy Trứ; Chương 2 - *Nội dung, đặc điểm, giá trị và hạn chế chủ yếu trong tư tưởng triết học của Đặng Huy Trứ*.

LÊ HỮU

PGS.TS. TRƯƠNG MINH DỤC (2016), **Quan hệ tộc người ở Tây Nguyên trong thời kỳ đổi mới**, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 459 tr.

Tây Nguyên là một vùng lãnh thổ tự nhiên nằm ở địa thế hiểm yếu, có hành lang tự nhiên thông với các nước bạn Lào, Campuchia và duyên hải miền Trung, có tài nguyên thiên nhiên phong phú và nhiều tiềm năng phát triển kinh tế. Vì vậy, Tây Nguyên là vùng có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng nhiều mặt về chính trị, an ninh, quốc phòng trong quá trình phát triển của đất nước.

Tây Nguyên là địa bàn cư trú của cư dân thuộc hầu hết các tộc người trong cả nước, trong đó có 12 tộc người tại chỗ. Dưới tác động của những yếu tố khách quan và chủ quan, quan hệ tộc người ở đây vận động một cách đa chiều, phức tạp, không chỉ trong phạm vi nội bộ từng tộc người, giữa các tộc người tại chỗ, mà còn được mở rộng ra thể hiện qua mối quan hệ giữa các tộc người với quốc gia/dân tộc; mối quan hệ tộc người/quốc gia xuyên biên giới; mối quan hệ giữa các tộc người thiểu số tại chỗ và các tộc người thiểu số di cư đến. Những vấn đề nêu trên là các nội dung chính được trình bày trong 6 chương sách: 1/ Một số vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến quan hệ tộc người. 2/ Các nhân tố tác động đến quan hệ tộc người ở Tây Nguyên trong thời kỳ đổi mới. 3/ Quan hệ tộc người ở Tây Nguyên về không gian sinh tồn và trong lĩnh vực kinh tế. 4/ Quan hệ tộc người ở Tây Nguyên trong lĩnh vực văn hóa. 5/ Quan hệ tộc người ở Tây Nguyên trong lĩnh vực

chính trị và an ninh. 6/ Quá trình tộc người và một số kinh nghiệm xây dựng quan hệ tộc người ở Tây Nguyên trong thời kỳ đổi mới.

HOÀI PHÚC

TS. HỒ XUÂN MAI (2016), **Tiếng Việt và sự phát triển văn hóa Việt Nam**, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 410 tr.

Ngôn ngữ và lịch sử văn hóa của một dân tộc có mối quan hệ vô cùng đặc biệt. Chúng song song phát triển, tồn tại và biến đổi. Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cũng vậy. Quá trình phát triển của tiếng Việt và văn hóa Việt Nam luôn luôn gắn liền với nhau, để lại “dấu ấn” trong mỗi đối tượng (dấu ấn của yếu tố này trong yếu tố kia được thể hiện xuyên suốt từ khi ông cha ta dựng nước). Trong dòng chảy của văn hóa Việt Nam luôn có sự đóng góp của tiếng Việt, ngược lại, sự phát triển của tiếng Việt là một bằng chứng của sự phát triển văn hóa Việt Nam.

Với cách tiếp cận văn hóa bằng tư duy ngôn ngữ và tiếp cận ngôn ngữ bằng tư duy văn hóa, tác giả đưa ra nhiều luận chứng của các nhà chuyên môn trong và ngoài nước để viện dẫn cho mỗi vấn đề cụ thể. Bên cạnh đó, tác giả còn sử dụng nhiều tư liệu thực tế để chứng minh cho những vấn đề đặt ra. Ở mỗi giai đoạn cụ thể, tác giả đã chỉ ra đặc điểm phát triển của tiếng Việt và vai trò của nó đối với sự phát triển của văn hóa Việt Nam; và ngược lại là dấu ấn của văn hóa Việt Nam trong quá trình phát triển của tiếng Việt. Ngoài ra, tác giả cố gắng cụ thể hóa trách nhiệm bảo vệ và phát triển văn hóa và tiếng Việt cũng như phương pháp, biện pháp thực hiện. Các vấn đề nêu trên được tác giả luận giải cụ thể và chi tiết trong 5 chương sách: 1/ Cơ sở lý luận. 2/ Tiếng Việt và sự phát triển văn hóa Việt Nam. 3/ Tiếng Việt và sự phát triển văn hóa vùng

Tây Nam bộ. 4/ Giữ gìn, phát triển tiếng Việt và văn hóa Việt Nam. 5/ Suy nghĩ về tiếng Việt và các ngôn ngữ khu vực Đông Nam Á trong bối cảnh toàn cầu hóa.

TK.

TS. HOÀNG THỊ NGÀ (2016), **Chính sách xã hội đối với nữ công nhân trong doanh nghiệp ngoài nhà nước**, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 222 tr.

Trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập hiện nay, các doanh nghiệp ngoài nhà nước ở Việt Nam đã mở ra nhiều cơ hội và thách thức mới đối với đội ngũ công nhân lao động trong nước, đặc biệt là nữ công nhân. Với những đòi hỏi mới, nữ công nhân gặp khá nhiều khó khăn trong đời sống cũng như quá trình lao động.

Dưới góc độ xã hội học, nội dung cuốn sách đem đến một bức tranh toàn cảnh về đời sống của nữ công nhân lao động trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước ở Việt Nam (từ điều kiện sống đến việc làm, thu nhập,...) cũng như phân tích những tác động của chính sách xã hội đối với đội ngũ lao động này.

Sách gồm 4 chương. Chương 1 trình bày một số vấn đề dẫn luận chung. Chương 2 khái quát cơ sở lý luận và phương pháp luận. Chương 3 phân tích tình hình thực hiện chính sách xã hội đối với nữ công nhân trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước. Chương 4 đưa ra một số phương hướng và giải pháp để giải quyết những vấn đề đặt ra liên quan đến chính sách xã hội đối với đội ngũ lao động này.

LÊ HỮU

NGUYỄN THỊ NGỌC (2016), **Quản lý môi trường đô thị Nhật Bản và khả năng ứng dụng ở Việt Nam**, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 360 tr.

Những năm gần đây, quá trình đô thị hóa ở nước ta diễn ra mạnh mẽ khiến cho

cấu trúc cảnh quan sinh thái thay đổi nhanh chóng, đặc biệt là cảnh quan đô thị. Nhiều diện tích đất nông nghiệp bị chuyển thành đất đô thị, khu công nghiệp, đường giao thông... Điều này làm nảy sinh nhiều vấn đề bất cập trong quy hoạch và quản lý đô thị liên quan đến các khía cạnh về kinh tế-xã hội và môi trường. Trước thực trạng đó, việc quản lý môi trường nhằm giữ vững sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường là nhiệm vụ hết sức cần thiết. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, việc học tập kinh nghiệm của các quốc gia có nhiều thành công trong công tác quản lý môi trường, đặc biệt là Nhật Bản, cần phải được tăng tốc và có lộ trình cụ thể. Trên cơ sở nghiên cứu những điểm tương đồng và khác biệt giữa Việt Nam và Nhật Bản, cuốn sách đề xuất các giải pháp quản lý môi trường đô thị cho Việt Nam theo hướng linh hoạt, xét cả ở cách thức, quy mô và lộ trình thực thi. Nội dung sách gồm 5 chương: 1/ Khái quát chung về quản lý môi trường. 2/ Quản lý môi trường đô thị Nhật Bản. 3/ Quản lý môi trường đô thị ở Việt Nam. 4/ Đánh giá những tương đồng và khác biệt giữa đô thị Việt Nam và Nhật Bản ảnh hưởng đến công tác quản lý môi trường ở Việt Nam. 5/ Đề xuất một số giải pháp quản lý môi trường đô thị cho Việt Nam từ kinh nghiệm quản lý môi trường đô thị ở Nhật Bản.

TA.

PGS.TS. BÙI THÀNH NAM (2016), **Các Hiệp định Thương mại tự do ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, thực thi và triển vọng**, Nxb. Thông tin và truyền thông, Hà Nội, 344 tr.

Trong trào lưu chung của hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, việc ký kết các hiệp định thương mại tự do ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, khu vực đang chứa đựng những thành tựu khổng lồ về

tăng trưởng kinh tế và thương mại, diễn ra mạnh mẽ với với mục đích và quyết tâm chính trị chung là duy trì và thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế trong khu vực và trên thế giới. Nội dung sách tập trung vào việc tìm hiểu những động thái phát triển của hội nhập kinh tế khu vực, đồng thời tìm kiếm các kinh nghiệm hữu ích cho quá trình hội nhập của Việt Nam. Sách gồm 5 chương.

Chương 1 trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn của các hiệp định thương mại tự do và xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Chương 2 đề cập đến bối cảnh khu vực và đặc điểm chính của các hiệp định thương mại tự do ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Chương 3 khái lược tiến trình tự do hóa thương mại, các hiệp định thương mại tự do khu vực và song phương và xu hướng phát triển của các hiệp định thương mại tự do trong bối cảnh chính sách thương mại của Mỹ.

Chương 4 khái quát các hiệp định thương mại tự do ở Đông Á, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và sự hình thành các hiệp định thương mại tự do, các khối kinh tế tiểu khu vực của Mỹ Latinh.

Chương 5 phân tích những tác động và xu hướng phát triển các hiệp định thương mại tự do ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

TV.

GS.TS. NGUYỄN ĐÌNH HƯƠNG (Chủ biên, 2016), **Chiến lược đô thị hóa theo hướng phát triển bền vững**, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 276 tr.

Đô thị hóa và phát triển đô thị là một trong những động lực phát triển của một

quốc gia. Chính vì vậy, chiến lược đô thị hóa là mục tiêu quan tâm hàng đầu của mọi quốc gia, trong đó có Việt Nam. Trong điều kiện hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu, chiến lược đô thị hóa đòi hỏi phải có tầm nhìn dài hạn theo hướng phát triển bền vững. Chiến lược đô thị hóa theo hướng bền vững ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 là vấn đề lớn liên quan đến chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững.

Nội dung sách đề cập đến *những vấn đề chung về chiến lược đô thị hóa theo hướng phát triển bền vững* (chương 1), bao gồm: quan niệm, bản chất, hệ thống tiêu chí đánh giá đô thị hóa theo hướng phát triển bền vững; quá trình đô thị hóa trên thế giới và Việt Nam; mối liên hệ giữa đô thị hóa và phát triển bền vững; kinh nghiệm của một số nước về chiến lược đô thị hóa theo hướng phát triển bền vững và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Trên cơ sở phân tích *thực trạng đô thị hóa theo quan điểm bền vững ở Việt Nam giai đoạn 2010-2015* (chương 2), tác giả đưa ra các quan điểm, định hướng *chiến lược đô thị hóa theo hướng phát triển bền vững ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050* (chương 3) theo hệ thống đô thị đặc biệt, đô thị lớn, đô thị vừa, đô thị nhỏ, và đô thị đặc thù được phân bố trên ba dải lãnh thổ (đồng bằng; trung du, miền núi, Tây Nguyên; và ven biển, hải đảo) theo các vùng (đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam bộ, trung du và miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung). Đồng thời nêu lên các điều kiện và giải pháp thực hiện chiến lược đó.

HB.